**Bài 3**

**NHỮNG DI TÍCH LỊCH SỬ VÀ DANH THẮNG**

**(Văn bản thông tin)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

Vận dụng được các năng lực để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**2. Phẩm chất:**

Có ý thức bảo vệ các di sản văn hoá, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hoá.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Một số tranh ảnh cóliên quan đến VB đọc 1, 2 và 3.

- Máy tính, ti vi kết nối

- Giấy A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT.

- Sơ đồ, biểu bảng tóm tắt đặc trưng của kiểu VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử và VB phỏng vấn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***MỞ ĐẦU*** | |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập: Gv tổ chức trò chơi...*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS lắng nghe, suy nghĩ tìm câu trả lời, sau đó chia sẻ với bạn.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một số HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định.* |  |
| **Câu 1:** Đâu là mục đích chính của văn bản thông tin?  A. Cung cấp thật nhiều thông tin về đối tượng được nhắc đến.  **B. Truyền đạt thông tin một khách quan và trung thực đến người đọc.**  C. Đem đến những hình ảnh minh họa trực quan và đẹp mắt về đối tượng được nhắc đến.  D. Thể hiện được góc nhìn, những đánh giá của người viết về đối tượng được nhắc đến.  **Câu 2:** Tính chính xác của văn bản thông tin là gì?  A. Thông tin trong văn bản thông tin cần được lấy từ nghiên cứu của những cá nhân nổi tiếng, có sức ảnh hưởng.  **B. Thông tin trong văn bản thông tin phải được kiểm chứng từ nhiều nguồn đáng tin cậy, tránh sai sót, nhầm lẫn, đảm bảo tính chính xác, trung thực.**  C. Mọi thông tin được đưa vào văn bản phải được nhà nước kiểm chứng.  D. Là những số liệu được trích dẫn từ những nguồn đáng tin cậy.  **Câu 3:** Chúng ta cần làm gì để những di tích lịch sử, di sản văn hoá và danh lam thắng cảnh được vẹn nguyên giá trị?  A. Đưa vào khai thác triệt đề tiểm năng du lịch của di sản.  **B. Bảo tồn giá trị vốn có và quảng bá hình ảnh của di sản.**  C. Đóng cửa, không cho khách tham quan tiếp cận di sản.  D. Tu bổ thường xuyên, có thể thay đổi, làm mới kết cấu của di sản.  **Câu 4:** Câu hỏi phỏng vấn có vai trò như thế nào trong quá trình phỏng vấn?  A. Thể hiện nội dung của bài phỏng vấn.  B. Thể hiện tính cách, phẩm chất của người phỏng vấn.  C. Thể hiện tư duy, năng lực của người được phỏng vấn.  **D. Thể hiện chủ đề phỏng vấn và có tác dụng thông tin, tạo nhịp điệu phỏng vấn, giúp bài phỏng vấn thêm thú vị và sinh động hơn.**  **Câu 5:** Đâu là ý nghĩa của việc lựa chọn góc độ tiếp cận đề tài và nguồn thông tin trong phỏng vấn?  A. Là yếu tố quan trọng nhất của bài phỏng vấn.  B. Là yếu tố tạo nên sự thú vị, hấp dẫn của bài phỏng vấn.  **C. Lựa chọn góc độ tiếp cận đề tài và nguồn thông tin đúng, trúng, hay là yếu tố đầu tiên quyết định sự thất bại của bài phỏng vấn.**  D. Là yếu tố tiên quyết để bài phỏng vấn được nhiều người biết đến.  **Câu 6:** Tên viết tắt WTO là của tổ chức quốc tế nào?  A. Quỹ Tiền tệ Quốc tế. B. Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc.  C. Liên hợp quốc. **D. Tổ chức Thương mại Thế giới.**  **Câu 7:** Đâu là tên tiếng Anh đầy đủ của tổ chức UNICEF?  **A. United Nations International Children’s Emergency Fund.**  B. United Nations Children’s Emergency Fund.  C. United Nations International Children’s Emergency.  D. United Nations International Children’s Fund.  Câu 8: Đâu là tên viết tắt của Hiêp hội các Quốc gia Đông Nam Á?  A. AESAN. **B. ASEAN.** C. NASEAN. D. ASANE.  Câu 9: Tổ chức quốc tế có tên “International Monetary Fund” có nghĩa tiếng Việt là gì?  **A. Quỹ Tiền tệ Quốc tế.** B. Ngân hàng thế giới.  C. Tổ chức Y tế thế giới. D. Liên hợp quốc.  **Câu 10:** UNESCO là tên viết tắt của tổ chức nào?  A. Liên hợp quốc.  B. Tổ chức Văn hóa, Giáo dục Liên hợp quốc.  **C. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc.**  D. Tổ chức Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc.  **Câu 11:** Trong thực tế giao tiếp hàng ngày, chúng ta đã sử dụng những loại phương tiện phi ngôn ngữ nào?  A. Biểu đồ, sơ đồ. **B. Cử chỉ, ánh mắt, ngôn ngữ cơ thể.**  C. Hình ảnh, áp phích. D. Hình ảnh quảng cáo, âm thanh.  **Câu 12:** Trong quá trình giao tiếp, phương tiện phi ngôn ngữ chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm?  A. 32%. B. 45%. **C. 58%.** D. 54%. | |
| ***HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI*** | |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc nhóm.  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **1. Tóm tắt các đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh làm thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.** |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **VB**  **Đặc**  **điểm** | **Vườn Quốc gia Cúc Phương** | ***Ngọ Môn*** | ***Cột cờ Thủ Ngữ – di tích cổ bên sông Sài Gòn*** | | **Mục đích viết** | Giới thiệu về một di tích lịch sử | Giới thiệu về một danh lam thắng cảnh | Giới thiệu về một di tích lịch sử | | **Cấu trúc** | - Phần mở đầu: Giới thiệu khái quát về Vườn Quốc gia Cúc Phương  - Phần nội dung: Giới thiệu hệ thống những phương diện khác nhau (*quần thể động, thực vật; cảnh quan thiên nhiên và giá trị văn hoá*) làm nên sức hấp dẫn, thú vị của rừng Cúc Phương  - Phần kết thúc: Nhận xét khái quát về giá trị của rừng Quốc gia Cúc Phương; bày tỏ tình cảm, thái độ của người viết dành cho khu rừng | - Sapo  - Phần mở đầu: Giới thiệu khái quát về di tích lịch sử Ngọ Môn ở Huế  - Phần nội dung: Giới thiệu một cách có hệ thống những phương diện khác nhau (đặc điểm kiến trúc, nét riêng trong cách trang trí) làm nên giá trị biểu tượng của Ngọ Môn trong kiến trúc cung đình Huế  - Phần kết thúc: Nhận xét khái quát về giá trị của di tích Ngọ Môn; bày tỏ tình cảm, thái độ của người viết dành cho di tích | - Sapo  - Không có phần mở đầu  - Phần nội dung: Giới thiệu một cách có hệ thống những phương diện khác nhau (quá trình hình thành và sự thay đổi về kết cấu, diện mạo, chức năng của di tích cũng như những khu vực lân cận; bề dày lịch sử) làm nên dấu ấn cổ xưa của Cột cờ Thủ Ngữ để nơi đây xứng đáng được xem là di tích cổ bên sông Sài Gòn.  - Phần kết thúc: Nhận xét khái quát về giá trị của di tích Cột cờ Thủ Ngữ; bày tỏ tình cảm, thái độ của người viết dành cho di tích lịch sử này | | **Hình thức** | VB sử dụng:  - Hệ thống hai đề mục (*Quần thể động, thực vật; Cảnh quan thiên nhiên và giá trị văn hoá*) để làm nổi bật thông tin cơ bản  - Từ ngữ chuyên ngành sinh học (*quần thể động thực vật, tầng rừng, cây gỗ tán, cây bụi, thảm tươi,…*), khảo cổ (*di chỉ, di cốt*), văn hoá (*người Mường, nhà sàn, lễ hội cồng chiêng, phong tục, tập quán,…*)  - Từ ngữ giàu giá trị miêu tả, biểu cảm: *nổi tiếng, hấp dẫn, khoáng đạt, bao la, kì vĩ, phong phú, quái dị, khổng lồ, đa dạng,,…*  - Hình ảnh minh hoạ | VB sử dụng:  - Hệ thống đề mục (*Đặc điểm kiến trúc Ngọ Môn*, *Nét riêng trong cách trang trí Ngọ Môn*) để làm nổi bật thông tin cơ bản  - Từ ngữ chuyên ngành kiến trúc (*cổng chính, nền cổng, lễ đài, thành, mặt bằng, công trình, cuốn vòm, gạch vồ, đá thanh, lan can, tráng men, cột,…*), lịch sử (*triều đình, vua, lễ Ban sóc, lễ thoái vị,…*)  - Từ ngữ giàu giá trị miêu tả, biểu cảm: *bề thế, đồ sộ, lối cuốn vòm, hình cung, gạch hoa đúc rỗng tráng men ngũ sắc, công phu, tỉ mỉ,…*  - Hình ảnh minh hoạ | VB sử dụng:  - Hệ thống đề mục (*Một trong những công trình cổ nhất của Sài Gòn, bề dày lịch sử*)để làm nổi bật thông tin cơ bản  - Từ ngữ chuyên ngành kiến trúc (*công trình, chân đế, sàn, khối nhà, mặt bằng, kết cấu, mái dốc,…*), lịch sử (C*ách mạng tháng Tám, Pháp, quân Anh, kháng chiến, cuộc xâm lược,..*)  - Từ ngữ giàu giá trị miêu tả, biểu cảm: *nhộn nhịp, quyết liệt, ngoan cường,…*  - Hình ảnh minh hoạ | | **Mối quan hệ giữa nhan đề với các thông tin chính của VB** | Nhan đề *Vườn Quốc gia Cúc Phương* đã khái quát được nội dung của toàn VB vì tất cả các thông tin cơ bản của VB này đều tập trung giới thiệu, làm rõ những đặc điểm của Vườn Quốc gia Cúc Phương (điểm độc đáo về quần thể động, thực vật; đặc sắc về cảnh quan thiên nhiên và giá trị văn hoá) | Nhan đề *Ngọ Môn* đã tóm tắt, khái quát được những thông tin cơ bản của VB; các thông tin cơ bản của VB (đặc điểm kiến trúc của Ngọ Môn, những nét riêng trong cách trang trí Ngọ Môn) đã góp phần triển khai làm rõ nội dung được gợi lên từ nhan đề của VB | Nhan đề *Cột cờ Thủ Ngữ* – *di tích cổ bên sông Sài Gòn* đã tóm tắt, khái quát được những thông tin cơ bản của VB vì các thông tin cơ bản của VB này đều hướng đến việc làm rõ vì sao Cột cờ Thủ Ngữ được xem là di tích cổ bên sông Sài Gòn (có thời điểm hình thành và thời gian tồn tại khá lâu bên bờ sông Sài Gòn, là chứng nhân cho bề dày lịch sử hào hùng của người dân Sài Gòn, chứng nhân cho sự phát triển và lớn mạnh không ngừng của thành phố bên sông) | | **Cách trình bày thông tin** | VB sử dụng phối hợp nhiều cách trình bày thông tin:  - Trình bày thông tin theo quan hệ nhân quả: *Phần mở đầu*, người viết khẳng định vườn Quốc gia Cúc Phương là điểm du lịch sinh thái nổi tiếng và hấp dẫn với những ai say mê khám phá và du lịch. Tiếp theo, ở *phần nội dung*, người viết triển khai lí giải cụ thể về sức hấp dẫn của rừng Cúc Phương bằng việc giới thiệu những giá trị của khu rừng như: đa dạng sinh học với quần thể động, thực vật phong phú, đặc sắc về cảnh quan thiên nhiên và giá trị văn hoá. Từ đó, ở *phần kết thúc*, tác giả khẳng định Cúc Phương luôn là điểm đến thu hút du khách, níu giữ lòng người  - Trình bày thông tin theo cách phân loại đối tượng: sự phong phú, đa dạng về hệ thực vật và động vật của Vườn Quốc gia Cúc Phương | *Về cách trình bày thông tin,* VB phối hợp nhiều cách trình bày thông tin:  - Trình bày thông tin theo trật tự không gian (ví dụ: đoạn mô tả kết cấu các cửa của nền đài,…)  - Trình bày theo các đối tượng phân loại (cấu trúc của hai hệ thống: *hệ thống nền đài, hệ thống lầu Ngũ Phụng*)  - Trình bày thông tin theo mối quan hệ nhân quả (thông tin lí giải về tên gọi lầu Ngũ Phụng theo quan niệm dân gian) | VB sử dụng phối hợp nhiều cách trình bày thông tin:  - Trình bày thông tin theo trật tự thời gian (trình bày thông tin về sự hình thành và phát triển của Cột cờ Thủ Ngữ,…)  - Trình bày thông tin theo mối quan hệ nhân quả (thông tin lí giải về tên gọi của di tích) | | **Sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ** | Hình ảnh minh họa (cây chò ngàn năm, bướm ở Vườn Quốc gia Cúc Phương, voọc mông trắng, bản làng của cộng đồng người Mường) cung cấp ví dụ trưc quan, sinh động về vẻ đẹp, sức hấp dẫn của Vườn Quốc gia Cúc Phương | Hình ảnh minh hoạ trực quan cho thông tin được trình bày bằng ngôn ngữ; thông tin được trình bày bằng ngôn ngữ thuyết minh, giải thích rõ hơn các yếu tố của hình ảnh | Hình ảnh (cột cờ Thủ Ngữ, nhà bát giác hai tầng mái ở chân cột cờ) minh hoạ trực quan cho nội dung thông tin được trình bày trong VB, giúp những thông tin ấy trở nên dễ hình dung, cụ thể, sinh động hơn với người đọc | | |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc nhóm.  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **Câu 2. Gợi ý:**  **-** Chú ý xác định đặc điểm của kiểu VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử (cấu trúc, đặc điểm hình thức, cách trình bày thông tin,…).  - Đọc nhan đề và các đề mục để xác định (các) thông tin cơ bản của VB.  - Xác định (các) cách trình bày thông tin trong VB và tác dụng của chúng đối với việc thực hiện mục đích viết;  - Suy ngẫm về sự kết nối giữa thông tin được biểu đạt bằng phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.  - Tìm những chi tiết quan trọng và làm rõ vai trò của chúng trong VB;… |
|  | **Câu 3:** Khi đọc một bài phỏng vấn, cần chú ý nội dung (chủ đề trao đổi), hình thức trình bày và bố cục của bài phỏng vấn;… |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc nhóm.  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **Câu 4.** Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ đối với việc trình bày thông tin trong VB thông tin: trình bày thông tin một cách trực quan, làm nổi bật những thông tin quan trọng, cung cấp thêm thông tin về đối tượng chưa được thể hiện bằng phương tiện ngôn ngữ, gây hứng thú cho người đọc/ người xem |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc nhóm.  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **Câu 5.** Khi viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử, cần đảm bảo những yêu cầu sau:  - Giới thiệu rõ ràng, cụ thể về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.  - Trình bày thông tin theo một số kiểu cấu trúc như: trật tự không gian, trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, phân loại đối tượng,…  - Dùng đề mục và các dấu hiệu hình thức để làm nổi bật thông tin quan trọng.  - Sử dụng kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh,…) để minh họa và làm nổi bật thông tin.  - Có thể kết hợp thuyết minh với miêu tả, biểu cảm, tự sự để hấp dẫn, thu hút người đọc.  - Trình bày thông tin chính xác, rõ ràng, hấp dẫn.  - Cấu trúc gồm 3 phần:  + Mở bài: giố thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.  + Thân bài: lần lượt trình bày các thông tin về đặc điểm của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử: vị trí tọa lạc, lịch sử hình thành, đặc điểm kiến trúc, cảnh quan,…; giá trị văn hóa, lịch sử, cách thức tham quan,…  + Kết bài: đánh giá khái quát về danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử; bày tỏ suy nghĩ, tình cảm về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử (có thể đưa ra lời mời tham quan). |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc nhóm.  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **Câu 6:** Những kinh nghiệm về cách thuyết minh một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử là:  - Trước khi thuyết minh cần tìm những thông tin xác thực về đối tượng.  - Cần tìm kiếm thêm các phương tiện phi ngôn ngữ như biểu đồ, bảng biểu, hình ảnh để minh họa cho đối tượng. |
| ***LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG*** | |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  ***Câu 7: Vì sao danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử được xem là di sản quý giá của quê hương, đất nước?***  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS phác thảo câu trả lời, sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, tổng kết câu trả lời của HS. GV khơi gợi để HS tiếp tục suy nghĩ về câu hỏi lớn sau khi kết thúc bài học. | **Câu 7**. Danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử được xem là di sản quý giá của quê hương, đất nước vì: đó là những món quà mà thiên nhiên và tổ tiên đã để lại cho thế hệ sau; là kết tinh giá trị vật chất và tinh thần của nhiều thế hệ; là bản sắc văn hoá, lịch sử của dân tộc Việt Nam;... |
| ❖ **HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**  **1. Bài vừa học:**  - Ôn tập kiến thức đã học ở ***Bài 3:* Những di tích lịch sử và danh thắng**  **2. Bài sắp học:** TRẢ BÀI KT GIỮA KÌ I | |